

Số: 29/QĐ-HHC

Nghệ An, ngày 08 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình năm 2022 tại nhà máy thủy điện Hủa Na.

Các căn cứ:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 7; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
- Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chính sách miễn, giảm thuế theo nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc Hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển Kinh tế-Xã hội;
- Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;
- Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và nghị định số 44/2016/ NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng theo;
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình ;
- Quyết định số 4799/QĐ-SXD ngày 23/12/2021 của Sở xây dựng Nghệ An về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng tỉnh Nghệ An theo thông tư số 13/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng;
- Quyết định số 75/QĐ-HHC-HĐQT ngày 14/9/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na về việc phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;
- Quyết định số 105/QĐ-HHC ngày 18/7/2018 của Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na ban hành Quy trình bảo trì công trình xây dựng Nhà máy thủy điện Hòa Na (sửa đổi lần 1, mã hiệu QT-KT-09-R1);
- Quyết định số 47/QĐ-HHC-HĐQT ngày 29/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na về việc phê duyệt và ban hành Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh và vốn vay của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na;
- Quyết định số 12/QĐ-HĐQT-HHC ngày 16/02/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na;
- Đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình năm 2022 tại nhà máy thủy điện Hòa Na do Công ty cổ phần Xây dựng 497 lập;
- Báo cáo thẩm định Đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình năm 2022 tại nhà máy thủy điện Hòa Na của Tổ thẩm định PV Power HHC;
- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu do Phòng KTKH lập;
- Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình năm 2022 tại nhà máy thủy điện Hòa Na của Tổ thẩm định Công ty;
- Tình hình thực tế và kế hoạch đầu tư xây dựng của Công ty.

Xét Tờ trình số 13/TTr-KTKH ngày 04/3/2022 của phòng KTKH về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình năm 2022 tại nhà máy thủy điện Hòa Na.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình năm 2022 tại nhà máy thủy điện Hòa Na với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Nhà máy thủy điện Hòa Na.

2. Nội dung công việc: Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình năm 2022 tại nhà máy thủy điện Hòa Na.

3. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na.

4. Đơn vị lập đề cương, dự toán: Công ty cổ phần Xây dựng 497.

5. Tổ chức thẩm định: Tổ thẩm định Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

6. Khái quát đề cương, nhiệm vụ.

6.1. Nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật:

Thực hiện khảo sát, thiết kế một số hạng mục công trình tại nhà máy thủy điện Hòa Na, xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An theo đúng các quy định hiện hành và của Chủ đầu tư, các hạng mục công trình sau khi đưa vào vận hành, sử dụng đảm bảo ổn định, bền vững, an toàn và hiệu quả. Các hạng mục chính cần thực hiện như sau:

- **Công trình hạ tầng kỹ thuật**
- + Gia cố mái ta luy sau dãy nhà làm việc và nhà ăn;
- + Hệ thống chiếu sáng xung quanh nhà máy;
- + Xây dựng hạ tầng, khuôn viên tại khu 3;
- + Xây dựng hệ thống cấp điện và chiếu sáng cho khu 3;
- + Xây dựng hệ thống cấp nước cho khu 3, khu vực kho thu hồi và bổ sung nước sinh hoạt, sản xuất cho nhà máy;
- + Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nhà máy và nhà làm việc.
- + Xây dựng bể cấp nước sinh hoạt cho NLĐ tại Nhà máy.
- **Công trình dân dụng**

- + Xây dựng nhà để xe cho CBCNV tại nhà máy;
- + Xây dựng nhà công vụ tại khu 3;

- **Công trình giao thông**

- + Xây dựng đường giao thông lên khu 3.

6.2. Nội dung công tác khảo sát phục vụ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật:

6.2.1. Tiêu chuẩn áp dụng.

- Quy phạm thành lập bản đồ địa hình địa chính tỷ lệ lớn ban hành kèm theo quyết định số 720/1999/QĐ-ĐC ngày 30/12/1999 của Tổng cục trưởng tổng cục địa chính,

- Quyết định số 04/2005/QĐ-BXD ngày 10 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc ban hành TCXDVN 309: 2004 “Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung”.

- Quy trình khảo sát địa chất 22TCN 263-2000.

- Tiêu chuẩn TCVN 9398:1912 Công tác trắc địa trong xây dựng;

- Tiêu chuẩn TCVN 9363:2012 Khảo sát cho xây dựng - Các nguyên tắc cơ bản.

6.2.2. Khảo sát địa hình:

1. Khảo sát địa hình xây dựng hệ thống cấp nước cho khu 3, khu vực kho thu hồi, và bổ sung nước sinh hoạt cho nhà máy:

Thu thập các tài liệu đã khảo sát trước đây về hệ thống cấp nước, hiệu chỉnh và bổ sung cho phù hợp với hạng mục mới

2. Xây dựng đường giao thông lên khu 3

2.1. Lưới khống chế độ cao

a) **Đo cao kỹ thuật:** Dẫn cao độ về khu vực khảo sát: 0,5 Km

Yêu cầu các điểm khống chế mặt bằng phải đo thủy chuẩn kỹ thuật.

- Sai số khép kín là $f h \leq 30\sqrt{L}$.

- Khoảng cách từ máy đến mia ≤ 100 m.

2.2. Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m

Đo vẽ bình tuyến tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 1,0m. Phạm vi đo từ tim tuyến đường ra hai bên, mỗi bên 30m; Bình đồ phải thể hiện đầy đủ địa hình, địa vật, các công trình nổi, công trình ngầm, đường dây cao hạ thế, các quy hoạch có liên quan,... Vị trí ao hồ, hệ thống kênh mương và dáng đất ngoài thực địa,... Những địa vật đặc biệt, các di tích lịch sử, đền thờ, miếu mạo, nghĩa trang;

Bình đồ khu vực được đo bằng phương pháp toàn đạc dùng máy toàn đạc

điện tử và gương sào đồng bộ đặt máy tại điểm Lưới khống chế tuyến hoặc tìm tuyến để đo đạc địa hình, địa vật trong phạm vi bình đồ, căn cứ vào mặt cắt dọc, mặt cắt ngang điều tra sơ hoạ bình đồ dọc tuyến.

- Phương pháp vẽ bình đồ: Bình đồ đo ghi vào bộ nhớ của máy toàn đạc, sau đó trút sang máy vi tính xử lý bằng chương trình đồ hoạ Autocad và các phần mềm thành lập và biên tập bản đồ như Softdesk, Topo, Nova-TDN...

- Khối lượng dự kiến:

+ *Bình đồ: 1,8 ha*

2.3. Đo vẽ trắc dọc tuyến

- Tỷ lệ: 1/2000, 1/200

- Phạm vi đo: Trên cơ sở hướng tuyến được chọn tiến hành định tuyến, đo vẽ trắc dọc với khoảng cách bình quân 20m/cọc bao gồm các cọc chủ yếu trên đường cong, cọc H và Km và sự thay đổi của địa hình, đảm bảo phản ánh chính xác địa hình dọc tuyến theo yêu cầu của dự án. Độ cao các cọc tìm tuyến xác định bằng phương pháp thủy chuẩn hình học, cao độ được dẫn từ các mốc khống chế bố trí dọc, tổng chiều dài khoảng 300m.

- Khối lượng dự kiến:

+ *Đo trắc dọc: L = 300m*

- Phương pháp đo:

Căn cứ vào thực tế khu đo dùng chương trình tính tọa độ tìm, các cọc chi tiết khác với khoảng cách tối đa không quá 10m/1cọc trên đoạn thẳng (chưa kể các cọc địa hình thay đổi, địa vật, cọc cống ...), sau khi có tọa độ các cọc tìm tuyến dùng máy toàn đạc điện tử và gương sào được đặt tại các điểm khống chế sườn tuyến để cắm các cọc trên ra ngoài thực địa bằng chương trình bố trí điểm (SET-OUT) của máy. Trường hợp máy toàn đạc không có chức năng định hướng bằng tọa độ cần phải định hướng trạm máy theo phương vị.

2.4. Đo vẽ trắc ngang

- Tỷ lệ: 1/200

- Đo vẽ mặt cắt ngang tỷ lệ 1/200 ở tất cả các cọc trên trắc dọc, tùy theo địa hình đo mặt cắt ngang rộng từ tìm tuyến về hai bên mỗi bên 15m. Đo cắt ngang bằng máy kinh vĩ kết hợp với đo thước thép, hoặc bằng máy toàn đạc điện tử có độ chính xác cao, những đoạn địa hình khó khăn có thể dùng thước chữ A.

- Hướng đo phải vuông góc với tìm tuyến đường, trong đường cong phải theo đường hướng tâm.

+ *Đo vẽ trắc ngang: $(300/20+1)*15*2/100 = 480m$.*

3. Xây dựng bể cấp nước sinh hoạt cho NLD tại Nhà máy; Xây dựng nhà để xe cho CBCNV tại nhà máy

Thu thập, tận dụng các tài liệu đã khảo sát trước đây do Chủ đầu tư cung cấp về địa hình khu vực dự kiến đặt bể nước, hiệu chỉnh và bổ sung cho phù hợp với hạng mục cần thực hiện.

4. Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nhà máy và nhà làm việc

Thu thập các tài liệu đã khảo sát trước đây về địa hình khu vực xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hiệu chỉnh và bổ sung cho phù hợp với các hạng mục cần thực hiện.

6.3. Nội dung báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

a. Yêu cầu về quy hoạch, cảnh quan và kiến trúc công trình:

Phạm vi thiết kế phải tuân theo hiện trạng, không phá vỡ cảnh quan xung quanh, thiết kế phải hài hòa phù hợp với công năng sử dụng.

b. Yêu cầu về quy mô, thời gian sử dụng, công năng sử dụng và các yêu cầu kỹ thuật khác.

Đảm bảo quy mô theo nhu cầu sử dụng và yêu cầu của Chủ đầu tư như đã nêu trên. Kết cấu ổn định, vững chắc để có thời gian sử dụng lâu dài, thiết kế hài hòa, phù hợp để có công năng sử dụng tối ưu nhất và tiết kiệm chi phí đầu tư.

c. Tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng

- Tiêu chuẩn TCVN 4405-1987 Căn hộ ở, tiêu chuẩn thiết kế;
- Tiêu chuẩn TCVN 4451-2012 Nhà ở, nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- Tiêu chuẩn TCXDVN 5575:2012 Kết cấu thép, tiêu chuẩn thiết kế;
- Tiêu chuẩn TCXDVN 5574:2012 Kết cấu bê tông cốt thép, tiêu chuẩn thiết kế;
- Tiêu chuẩn TCVN 2737:2006 Tiêu chuẩn tải trọng và tác động;
- Tiêu chuẩn TCVN 2622:1995 Phòng cháy và chống cháy cho nhà và công trình,
- Tiêu chuẩn TCVN 9398:1912 Công tác trắc địa trong xây dựng;
- Tiêu chuẩn TCVN 4447:2012 Công tác đất, Quy phạm thi công và nghiệm thu;
- Tiêu chuẩn TCXDVN 33:2006 Cấp nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế
- Tiêu chuẩn TCVN 9207:2012 Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng;

- Tiêu chuẩn TCVN 9206: 2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

Tiêu chuẩn TCXD 29:1991 Chiếu sáng tự nhiên trong công trình dân dụng - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn TCVN 7957:2008 Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn TCVN-9385-2012 chống sét cho công trình xây dựng;

- Áo đường cứng – Tiêu chuẩn thiết kế 22TCN223-1995.

- Các quy phạm, tiêu chuẩn hiện hành.

d. Nội dung báo cáo kinh tế kỹ thuật:

d1) Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng gồm:

- Tổng mặt bằng.

- Mặt bằng, trắc dọc, trắc ngang.

- Các bản vẽ chi tiết kết cấu điển hình công trình.

- Dự toán xây dựng công trình.

d2) Các nội dung khác của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng gồm: thuyết minh về sự cần thiết đầu tư, mục tiêu xây dựng, địa điểm xây dựng, diện tích sử dụng đất, quy mô, công suất, cấp công trình, giải pháp thi công xây dựng, an toàn xây dựng, phương án giải phóng mặt bằng xây dựng và bảo vệ môi trường, bố trí kinh phí thực hiện, thời gian xây dựng, hiệu quả đầu tư xây dựng công trình.

e. Biên chế hồ sơ:

Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật được biên chế thành các phần như sau:

- Thuyết minh báo cáo kinh tế kỹ thuật

- Các bản vẽ thiết kế.

- Dự toán xây dựng công trình.

6.4. Thời gian thực hiện:

Thời gian thực hiện: Tổng thời gian thực hiện tối đa là 180 ngày. Do phụ thuộc vào kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Bên giao thầu, thời gian thực hiện hợp đồng được quy định cụ thể như sau: mỗi hạng mục hoàn thành trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên giao thầu.

6.5. Tài liệu giao nộp:

- Hồ sơ khảo sát: 06 bộ.

- Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công: 06 bộ.

7. Giá trị dự toán Tư vấn:

- Giá trị dự toán phê duyệt: 417.602.782 đồng.

Bằng chữ : Bốn trăm mười bảy triệu, sáu trăm linh hai nghìn, bảy trăm tám mươi hai đồng.

Trong đó :

+ Trước thuế : 386.669.243 đồng;

+ Thuế VAT (8%) : 30.933.539 đồng.

(Chi tiết như phụ lục kèm theo).

8. Nguồn vốn: Sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na đã được Hội đồng quản trị phê duyệt tại Quyết định số 12/QĐ-HĐQT-HHC ngày 16/02/2022 để triển khai thực hiện.

9. Hình thức thực hiện: Công ty trực tiếp quản lý trong quá trình thực hiện.

10. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (tr.đ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	T. gian thực hiện h/đồng
1	Tư vấn thiết kế một số hạng mục công trình năm 2022 tại nhà máy thủy điện Hòa Na	417,602	SXKD 2022	Chỉ định thầu rút gọn	Quý I/2022	Đơn giá điều chỉnh	180 ngày

11. Dự toán gói thầu tư vấn:

Đơn vị: VNĐ

STT	Nội dung chi phí	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3+4)	(6)
1	Chi phí Tư vấn	386.669.243	30.933.539	417.602.782	GTV
1.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	45.290.491	3.623.239	48.913.730	GTK
1.2	Chi phí khảo sát	341.378.752	27.310.300	368.689.052	GKS
2	Chi phí dự phòng	0	0	0	GDPXD
	TỔNG CỘNG (1+2)	386.669.243	30.933.539	417.602.782	GGTTV

Bằng chữ : Bốn trăm mười bảy triệu, sáu trăm linh hai nghìn, bảy trăm tám mươi hai đồng.

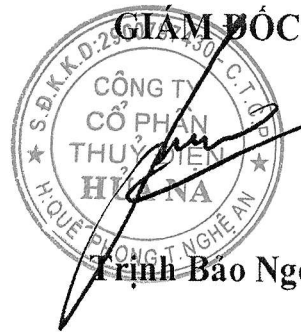
(Chi tiết như phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao cho các Phòng ban, Phân xưởng Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng, bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT (để b/c);
- Các Phó GD (để t/h);
- Các Phòng, PX (để t/h);
- Lưu VT.



Trịnh Bảo Ngọc

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NÀ

HẠNG MỤC: TƯ VẤN THIẾT KẾ MỘT SỐ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH NĂM 2022 TẠI NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NÀ

(Kèm theo Quyết định số 29/QĐ-HHC ngày 08/3/2022 của Giám đốc PV Power HHC)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Giá trị	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chi phí khảo sát	Đồng	45.290.491	Phụ lục 01
2	Chi phí thiết kế	Đồng	341.378.752	Phụ lục 02
	TỔNG CỘNG	Đồng	386.669.243	
	THUẾ VAT (8%)	Đồng	30.933.539	
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ	Đồng	417.602.782	

PHỤ LỤC 01
BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KHẢO SÁT
HẠNG MỤC: TƯ VẤN THIẾT KẾ MỘT SỐ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH NĂM 2022 TẠI NHÀ
MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA
MỤC: KHẢO SÁT PHỤC VỤ LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

STT	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá trước thuế	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4*5)
I	Xây dựng hệ thống cấp nước cho khu 3, khu vực kho thu hồi và bổ sung nước sinh hoạt, sản xuất cho nhà máy:				
1	Khảo sát địa hình	Công	6	710.415	4.262.492
II	Xây dựng đường giao thông lên khu 3:				
2	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình III	km	0,5	2.472.859	1.236.430
3	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 1m, cấp địa hình III	1 ha	1,8	5.247.522	9.445.540
4	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình III	100m	3,0	1.527.168	4.581.503
5	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn; cấp địa hình III	100m	4,8	1.815.533	8.714.559
III	Xây dựng bể cấp nước sinh hoạt cho NLD tại Nhà máy; Xây dựng nhà để xe cho CBCNV tại nhà máy				
6	Khảo sát địa hình	Công	4	710.415	2.841.661
IV	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nhà máy và nhà làm việc				
7	Khảo sát địa hình	Công	20	710.415	14.208.306
A	Cộng dự toán trước thuế				45.290.491
B	Thuế VAT: (A*8%)				3.623.239
C	Tổng cộng sau thuế: (A+B)				48.913.730

PHỤ LỤC 02

BẢNG CHI PHÍ LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

HẠNG MỤC: TƯ VẤN THIẾT KẾ MỘT SỐ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH NĂM 2022 TẠI NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỬA NÀ
MỤC: LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị xây lắp trước thuế (đồng)	Định mức (%)	Hệ số điều chỉnh	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3*4*5)	(7)
I	Công trình hạ tầng kỹ thuật	4.985.480.000	3,800		189.448.240	
1	Gia cố mái ta luy sau dây nhà làm việc và nhà ăn	1.107.000.000	3,80	1,0	42.066.000	
2	Hệ thống chiếu sáng xung quanh nhà máy	250.000.000	3,80	1,0	9.500.000	
3	Xây dựng hạ tầng, khuôn viên tại khu 3	350.000.000	3,80	1,0	13.300.000	
4	Xây dựng hệ thống cấp điện và chiếu sáng cho khu 3	150.000.000	3,80	1,0	5.700.000	
5	Xây dựng hệ thống cấp nước cho khu 3, khu vực kho thu hồi và bổ sung nước sinh hoạt, sản xuất cho nhà máy	2.028.480.000	3,80	1,0	77.082.240	
6	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nhà máy và nhà làm việc	1.100.000.000	3,80	1,0	41.800.000	
II	Công trình dân dụng	2.205.360.000	5,420		119.530.512	
1	Xây dựng nhà để xe cho CBCNV tại nhà máy	295.360.000	5,420	1,0	16.008.512	
2	Xây dựng nhà công vụ tại khu 3	1.210.000.000	5,420	1,0	65.582.000	
3	Xây dựng bể cấp nước sinh hoạt cho NLD tại Nhà máy	700.000.000	5,420	1,0	37.940.000	
III	Công trình giao thông	600.000.000	5,40		32.400.000	
1	Xây dựng đường giao thông lên khu 3	600.000.000	5,40	1,0	32.400.000	
A	Tổng cộng trước thuế: (I+II+III)	7.790.840.000			341.378.752	
B	Thuế VAT: (B* 8%)				27.310.300	
C	Giá trị sau thuế (A+B)				368.689.052	

Ghi chú:

- Định mức lập báo cáo KT-KT được tính nội suy trên số liệu tại bảng số 2.3, Chương II, Phần II, Phụ lục VIII, Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN GÓI THẦU

HẠNG MỤC: TƯ VẤN THIẾT KẾ MỘT SỐ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH NĂM 2022 TẠI NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HỦA NA

(Kèm theo Quyết định số 29/QĐ-HHC ngày 08/3/2022 của Giám đốc PV Power HHC)

STT	Nội dung chi phí	Giá trị trước thuế (đồng)	Thuế GTGT (8%) (đồng)	Giá trị sau thuế (đồng)	Ký hiệu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3+4)	(6)
1	Chi phí xây dựng của gói thầu	386.669.243	30.933.539	417.602.782	Gtv
1.1	Chi phí khảo sát	45.290.491	3.623.239	48.913.730	
1.2	Chi phí thiết kế	341.378.752	27.310.300	368.689.052	
2	Chi phí dự phòng (GDPXD1 + GDPXD2)	-	-	-	Gdptv
2.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh	-	-	-	Gdpxd1
2.2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	-	-	-	Gdpxd2
	TỔNG CỘNG (1+2)	386.669.243	30.933.539	417.602.782	GGTtv

